

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thào A Trư;
- Bà Nguyễn Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mùa Thị S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng A C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

3. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-12-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mùa Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sùng A C đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của người Mông từ năm 2005, tuy nhiên giữa chị và anh C không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, không giúp đỡ vợ và các con, đến tháng 8 năm 2017 anh C bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm tù. Đến tháng 9 năm 2023 thì anh C chấp hành xong án phạt tù. Sau khi về nhà anh C không giúp đỡ vợ con công việc, thường xuyên vắng nhà.

Chị S xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu giải quyết cho chị được ly hôn anh Sùng A C.

- Về con chung: Giữa chị và anh Sùng A C có 05 con chung là Sùng A C, sinh ngày 13-9-2005; Sùng Thị X, sinh ngày 07-6-2007; Sùng A Đ, sinh ngày 11-03-2010; Sùng Thị N, sinh ngày 03-01-2014 và Sùng A P, sinh ngày 19-11-2017. Khi ly hôn chị S đề được trực tiếp nuôi dưỡng con Sùng Thị X và Sùng A P, để anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Sùng A Đ và Sùng Thị N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con Sùng A C đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mùa Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-12-2023 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Sùng A C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mùa Thị S đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện từ năm 2005 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người Mông, nhưng không đến UBND xã Phình Hồ đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, đến tháng 9 năm 2023 thì anh chấp hành án xong trở về địa phương, tuy nhiên do phải đi chấp hành án, vợ chồng xa cách nên khi trở về địa phương vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh và chị Mùa Thị S có 05 con chung đúng như chị S trình bày. Nếu chị S cứ nhất quyết ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Sùng A Đ và Sùng Thị N, để chị S trực tiếp nuôi dưỡng con là Sùng Thị X và Sùng A P. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con Sùng A C đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn trình bày nguyện vọng các cháu Sùng Thị X, Sùng A Đ và Sùng Thị N trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được

ở cùng mẹ, vì mẹ quan tâm chăm sóc đến các cháu, đưa đón đi học và sống cùng mẹ thì điều kiện học tập, sinh sống tốt hơn, còn bố không quan tâm đến các cháu.

Tại phiên hòa giải ngày 15-12-2023 chị Mùa Thị S và anh Sùng A C cùng thống nhất có 05 con chung là Sùng A C, sinh ngày 13-9-2005; Sùng Thị X, sinh ngày 07-6-2007; Sùng A Đ, sinh ngày 11-03-2010; Sùng Thị N, sinh ngày 03-01-2014 và Sùng A P, sinh ngày 19-11-2017. Chị S và anh C thỏa thuận, khi ly hôn giao cho chị Mùa Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Sùng Thị X và Sùng A P, giao cho anh Sùng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là Sùng A Đ và Sùng Thị N. Chị S và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con Sùng A C đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Mùa Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận việc thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung theo biên bản hòa giải ngày 15-12-2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C, giao cho chị Mùa Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng 02 con chung Sùng Thị X, sinh ngày 07-6-2007 và Sùng A P, sinh ngày 19-11-2017; giao cho anh Sùng A C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng 02 con chung là Sùng A Đông, sinh ngày 11-3-2010 và Sùng Thị N, sinh ngày 03-01-2014. Chị S và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí nguyên đơn Mùa Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mùa Thị S khởi kiện anh Sùng A C, địa chỉ thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị

giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị S và anh Sùng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005; việc chung sống như vợ chồng được thể hiện tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con, giấy xác nhận thông tin về cư trú và lời khai của các đương sự. Tuy nhiên giữa chị S và anh C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống chị S và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C sau khi chấp hành án phạt tù về không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con. Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh Sùng A C. Đối chiếu với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần tuyên bố không nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C.

[3] Con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giữa Mùa Thị S và anh Sùng A C có 05 con chung là Sùng A C, sinh ngày 13-9-2005; Sùng Thị X, sinh ngày 07-6-2007; Sùng A Đ, sinh ngày 11-03-2010; Sùng Thị N, sinh ngày 03-01-2014 và Sùng A P, sinh ngày 19-11-2017. Tại biên bản hòa giải ngày 15-12-2023 các đương sự thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Mùa Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Sùng Thị X và Sùng A P, giao cho anh Sùng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là Sùng A Đ và Sùng Thị N. Chị S và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con Sùng A C đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị S đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh C về con chung; trong đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh C vẫn giữ nguyên các nội dung đã trình bày tại Tòa án.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn giữa chị S và anh C.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C.

2. Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Mùa Thị S và anh Sùng A C: Giao cho chị Mùa Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Sùng Thị X, sinh ngày 07-6-2007 và Sùng A P, sinh ngày 19-11-2017; giao cho anh Sùng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là Sùng A Đ, sinh ngày 11-3-2010 và Sùng Thị N, sinh ngày 03-01-2014. Chị S và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mùa Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0000453 ngày 06-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Mùa Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Sùng A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên